



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026  
Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	01	66	3,3	1	Anh	lẻ
2	000002	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	01	67	9,1	01	fas	chẵn
3	000003	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	01	68	2,5	01	truy	lẻ
4	000004	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	01	69	5,9	01	Anh	chẵn
5	000005	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	01	70	7,0	01	LanH	lẻ
6	000006	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	01	71	6,2	1	Binh	chẵn <sup>2</sup>
7	000007	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	01	72	5,4	2	Chiến	lẻ <sup>3</sup>
8	000008	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	01	73	7,9	1	Chinh	chẵn
9	000009	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	01	74	3,0	1	Đức	lẻ
10	000010	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	01	75	6,2	1	Dương	chẵn
11	000011	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	01	76	4,2	1	Duyên	lẻ
12	000012	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	01	77	5,0	1	Hà	chẵn
13	000013	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	01	78	8,2	1	Hà	lẻ
14	000014	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	01	79	2,0	1	Hà	chẵn
15	000015	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	01	80	4,0	1	Thanh	lẻ
16	000016	1101020095	Phan Thị	Hiền	05/10/2005	KD11A	01	81	9,3	1	Niên	chẵn
17	000017	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	01	82	2,2	1	Hiền	lẻ
18	000018	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	01	83	7,4	1	Hoa	chẵn
19	000019	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	01	84	7,2	1	Hùng	lẻ
20	000020	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	01	85	4,9	1	Hương	chẵn
21	000021	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	01	86	4,7	1	Hương	TR lẻ (tư nộp)
22	000022	1101020115	Phùng Thị	Hương	07/05/2005	KD11A	01	87	6,8	1	Hương	chẵn
23	000023	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	01	88	5,2	1	Huyền	lẻ
24	000024	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	01	89	8,2	1	Khải	chẵn
25	000025	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	01	90	5,3	1	Liên	lẻ
26	000026	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	01	91	4,7	1	Phương	chẵn
27	000027	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	01	92	3,5	1	Linh	lẻ
28	000028	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	01	93	6,1	1	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 28.....

Tổng số tờ giấy thi: 29.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 15 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Văn Thanh      Trần Thị Bích Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

chấn  
Lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000029	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	01	1	5,0		Linh	lê
2	000030	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	01	2	9,1		Loan	chấn
3	000031	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	01	3	3,7		Mai	Lê
4	000032	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	01	4	4,9		My	Chấn
5	000033	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	01	5	4,7		Ngân	Lê
6	000034	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	01	6	7,7		Ngọc	Chấn
7	000035	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	01					HP,ĐK
8	000036	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01	7	7,0		Oai	chấn
9	000037	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	01	8	4,3		Quân	Lê
10	000038	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	01	9	7,4		Quỳnh	chấn
11	000039	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	01	10	2,8		Tâm	HP,ĐK
12	000040	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	01	11	7,4		Thảo	chấn
13	000041	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	01	12	4,3		Thư	Lê
14	000042	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	01	13	6,5		Thư	chấn
15	000043	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	01	14	7,6		Thúy	Lê
16	000044	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	01	15	8,9		Trang	chấn
17	000045	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	01	16	7,3		Trang	Lê
18	000046	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	01	17	3,2		Trang	chấn
19	000047	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	01	18	3,5		Trang	Lê
20	000048	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	01	19	3,7		Tuân	chấn
21	000049	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	01	20	6,1		Tuyền	Lê
22	000050	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	01	21	3,7		Thái	Chấn
23	000051	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	01	22	5,3		Yến	Lê
24	000052	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Son	26/07/2002	KD8D	01	23	6,0		Son	chấn
25	000053	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	02	24	4,2		Anh	Lê
26	000054	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	02	25	8,4		Anh	chấn
27	000055	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	02	26	5,5		Anh	Lê
28	000056	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	02	27	6,5		Anh	chấn
29	000057	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	02	28	5,5		Anh	Lê

lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000058	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	02	29	5,1 ✓		Anh	Chấn
31	000059	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	02					HP
32	000060	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	02	30	5,9 ✓		Bích	Chấn
33	000061	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	02	31	4,0 ✓		Diễm	lê
34	000062	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	02	32	6,3 ✓		H	Chấn
35	000063	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	02	33	5,1 ✓		Dương	lê

Tổng số sinh viên dự thi: 33


Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Ngày 15 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

  
Bùi Thị Vân

  
Nguyễn Thị Thúy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

Nữ 55

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000064	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	02	156	4,3	0,1	Thùy	chấm
2	000065	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	02	157	3,8	1	Giang	lê
3	000066	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	02	158	5,1	1	Giang	chấm
4	000067	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	02	159	5,5	1	Giang	lê
5	000068	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	02	160	5,5	1	Hà	chấm
6	000069	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	02	161	5,7	1	Hoa	lê
7	000070	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	02	162	2,8	1	Hùng	chấm
8	000071	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	02	163	5,3	1	Hương	lê
9	000072	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	02	164	5,3	1	Thanh	chấm
10	000073	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	02	165	7,6	1	Huyền	lê
11	000074	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	02	166	6,0	1	Lan	HP chấm
12	000075	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	02	167	5,1	1	Liên	lê
13	000076	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	02	168	8,2	1	linh	chấm
14	000077	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	02	169	5,2	1	khánh	lê
15	000078	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	02	170	7,4	1	Linh	chấm
16	000079	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	02	171	8,9	1	Loan	lê
17	000080	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	02	172	9,4	1	ly	chấm
18	000081	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	02	173	5,0	1	Mai	lê
19	000082	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	02	174	6,2	1	Mai	chấm
20	000083	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	02	175	6,2	1	Mai	lê
21	000084	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	02	176	5,5	1	Nam	chấm
22	000085	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	02	177	3,7	1	Ngát	lê
23	000086	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	02	178	8,6	1	Ngọc	chấm
24	000087	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	02	179	2,5	1	Nhi	HP chấm
25	000088	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	02	180	6,0	1	Nhung	chấm
26	000089	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	02	181	5,0	1	Nhung	lê
27	000090	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	02	182	4,1	1	Phúc	chấm
28	000091	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	02	183	5,1	1	Phương	lê
29	000092	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	02	184	6,4	1	Phối	chấm
30	000093	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	02	185	2,0	1	Quỳnh	lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000094	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	02					HP,ĐK
32	000095	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	02	186	5,8	01	Thảo	k <sup>2</sup>
33	000096	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	02	187	6,4	01	Thảo	Chấn
34	000097	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	02	188	4,7	01	Thu	Qu
35	000098	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	02	189	8,1	1	Thùy	HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 34....


Tổng số tờ giấy thi: 34....


Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 15 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

  
Trần Thị Diệp

  
Hoàng Phi Thanh Loan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000099	1101020290	Lê Thị Thuý	Tình	23/10/2005	KD11B	02	223	5,7	01	Lê	Lê
2	000100	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	02	224	8,2	01	Trang	chấn
3	000101	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	02	225	4,9	01	Trang	lê
4	000102	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	02	226	7,9	01	Trần	chấn
5	000103	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	02	227	2,7	01	Tuấn	lê
6	000104	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	02	228	9,5	01	Vi	chấn
7	000105	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	02	229	2,9	01	Vinh	lê
8	000106	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	02	230	5,1	01	Yến	chấn
9	000107	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	02	231	4,0	01	Huy	Lê
10	000108	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	02					HP,ĐK
11	000109	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	03					Vàng
12	000110	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	03					ĐK
13	000111	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	03					ĐK
14	000112	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	03	232	5,1	01	An	chấn
15	000113	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	03	233	5,0	01	Anh	Lê
16	000114	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	03	234	9,9	01	Anh	chấn
17	000115	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	03	235	6,0	01	Q.Anh	lê
18	000116	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	03	236	8,6	01	H.Anh	chấn
19	000117	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03	237	6,9	01	Hoàng Hà	lê
20	000118	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	03	238	6,1	01	Mai	chấn
21	000119	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	03	239	8,3	01	Anh	lê
22	000120	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	03	240	9,6	01	Ánh	chấn
23	000121	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	03	241	7,0	01	Ánh	lê
24	000122	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	03	242	9,6	01	Anh	chấn
25	000123	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	03	243	9,5	01	Chi	lê
26	000124	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	03	244	9,6	01	Anh	chấn
27	000125	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	03	245	5,5	01	Dung	lê
28	000126	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	03	246	3,0	01	Dương	chấn
29	000127	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	03	247	6,9	01	Hương	Lê
30	000128	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	03	248	8,3	01	Hà	chấn
31	000129	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	03	249	5,0	01	Hải	lê
32	000130	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	03	250	7,4	01	Hạnh	chấn
33	000131	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	03	251	7,3	01	Hòa	lê

Tổng số sinh viên dự thi: 29.....

Tổng số tờ giấy thi: 29.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày .. tháng .. Năm .. 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hồ Thị Tâm

Nguyễn Phi Hùng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026  
Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000132	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	03	252	9,0	1	Hoài	chẵn
2	000133	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	03	253	5,8	1	Hương	lẻ
3	000134	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	03	254	7,4	04	Ngọc	chẵn
4	000135	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	03	255	3,2	1	Linh	lẻ?
5	000136	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	03	256	8,9	01	Linh	chẵn
6	000137	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	03	257	7,6	01	Linh	lẻ?
7	000138	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	03	258	7,5	01	Linh	chẵn
8	000139	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	03	259	6,6	1	Linh	lẻ
9	000140	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	03	260	4,6	01	Luyến	chẵn
10	000141	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	03	261	6,2	1	Ngân	lẻ
11	000142	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	03	262	5,2	1	Ngọc	chẵn
12	000143	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	03	263	8,3	1	Ngọc	lẻ?
13	000144	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	03	264	3,5	1	Nhi	chẵn
14	000145	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	03	265	7,9	01	Nhi	lẻ
15	000146	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	03	266	5,2	01	Nhung	chẵn
16	000147	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	03	267	8,5	04	Phue	lẻ
17	000148	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	03	268	8,9	1	Phương	chẵn
18	000149	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	03	269	7,1	1	Thanh	lẻ
19	000150	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	03	270	9,2	1	Thảo	chẵn
20	000151	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	03	271	7,3	1	Thủ	lẻ
21	000152	1101020279	Lê Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03	272	6,9	01	Thức	chẵn
22	000153	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	03	273	8,7	01	Thùy	lẻ?
23	000154	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	03	274	8,5	02	Trang	chẵn
24	000155	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	03	275	7,8	01	Trang	lẻ?
25	000156	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	03	276	8,7	01	Trang	chẵn
26	000157	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	03					HP,ĐK
27	000158	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	03	277	7,0	01	Việt	chẵn
28	000159	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	03	278	8,5	01	Vy	lẻ
29	000160	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	04	279	7,6	01	Anh	chẵn
30	000161	1101020012	Đông Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	04	280	6,3	01	Anh	lẻ?
31	000162	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	04	281	9,7	01	Anh	chẵn
32	000163	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	04	282	8,3	01	Anh	lẻ?
33	000164	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	04	283	7,8	1	Anh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 15... tháng 6... Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

*Bùi Thị Thanh Hương*

*Nguyễn Thị Ngọc Hải*



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000165	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	04	123 <sup>34</sup>	6,4	1	Anh	le'
2	000166	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	04	129 <sup>55</sup>	4,9	1	Bach	chấn
3	000167	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	04	123 <sup>36</sup>	7,7	1	Dat	le'
4	000168	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	04	124 <sup>37</sup>	9,9	1	Dz	chấn
5	000169	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	04	123 <sup>38</sup>	8,0	1	Giang	le'
6	000170	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	04	124 <sup>39</sup>	9,9	1	Ha	chấn
7	000171	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	04	123 <sup>40</sup>	9,2	1	Ha	le'
8	000172	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	04	124 <sup>41</sup>	7,8	1	Hai	chấn
9	000173	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	04	123 <sup>42</sup>	8,9	1	Hang	le'
10	000174	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	04	124 <sup>43</sup>	9,3	1	Hanh	chấn
11	000175	1101020096	Đình Thúc	Hiên	21/05/2005	KD11D	04	123 <sup>44</sup>	8,1	1	Hiên	le'
12	000176	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	04	124 <sup>45</sup>	9,9	1	Hiếu	chấn
13	000177	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	04	123 <sup>46</sup>	7,8	1	Hiếu	le'
14	000178	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	04	124 <sup>47</sup>	9,2	1	Hoa	chấn
15	000179	1101020108	Đình Thúc	Hồng	05/11/2005	KD11D	04	123 <sup>48</sup>	7,0	1	Hong	le'
16	000180	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	04	124 <sup>49</sup>	9,7	1	Huong	chấn
17	000181	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	04	123 <sup>50</sup>	7,8	1	Huyen	le'
18	000182	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	04	124 <sup>51</sup>	8,5	1	Huyen	chấn
19	000183	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	04	123 <sup>52</sup>	8,9	1	Huyen	HP le'
20	000184	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	04	124 <sup>53</sup>	8,3	1	Lan	chấn
21	000185	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	04	123 <sup>54</sup>	8,9	1	Linh	le'
22	000186	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	04	124 <sup>55</sup>	9,9	1	Linh	chấn
23	000187	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	04	123 <sup>56</sup>	8,3	1	RBB	le'
24	000188	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	04	124 <sup>57</sup>	4,9	1	Linh	chấn
25	000189	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	04	123 <sup>58</sup>	7,8	1	Ly	le'
26	000190	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	04					ĐK
27	000191	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	04	123 <sup>59</sup>	6,1	1	Minh	HP
28	000192	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	04	124 <sup>60</sup>	8,6	1	Minh	chấn
29	000193	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	04	125 <sup>61</sup>	7,5	1	Mỹ	le'
30	000194	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	04	124 <sup>62</sup>	7,1	1	Nga	chấn
31	000195	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	04	123 <sup>63</sup>	8,3	1	Ngoc	le'
32	000196	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyễn	08/09/2005	KD11D	04	124 <sup>64</sup>	9,9	1	Nguyen	chấn
33	000197	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	04	123	6,5	7 điểm	Nhi	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 32.....  
 Tổng số tờ giấy thi: 32.....  
 Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 15... tháng 6... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

Trần Ngọc Anh Phan Uyên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000198	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	04	284	7,7	01	Cj	Chấn
2	000199	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	04	285	7,8	01	Nhung	Lê
3	000200	1101020235	Lê Thị Thu	Phuong	14/03/2005	KD11D	04	286	5,6	01	Phuong	Chấn
4	000201	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	04	287	8,3	01	Quỳnh	Lê
5	000202	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	04	288	7,2	01	Quỳnh	Chấn
6	000203	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	04	289	9,3	01	Thanh	Lê
7	000204	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	04	290	9,3	01	Thảo	Chấn
8	000205	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	04	291	7,8	01	Thảo	Lê
9	000206	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	04	292	7,9	01	Thư	Chấn
10	000207	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	04	293	8,6	01	Thương	Lê
11	000208	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	04	294	9,3	01	Thủy	Chấn
12	000209	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	04	295	9,5	01	Trang	Lê
13	000210	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	04	296	2,5	01	Triển	HP (đi nộp)
14	000211	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	04	297	4,9	01	Uyên	Lê
15	000212	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	04	298	7,6	01	Vinh	Chấn
16	000213	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	04	299	4,7	01	Yến	Lê
17	000214	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	04	300	4,5	01	Yến	Chấn
18	000215	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	05	301	5,1	01	Anh	Lê
19	000216	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	05	302	6,8	01	Anh	Chấn
20	000217	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	05	303	6,2	02	Anh	Lê
21	000218	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	05	304	5,1	01	Anh	Chấn
22	000219	1101020025	Nguyễn Vân	Anh	01/12/2005	KD11E	05	305	6,6	01	Anh	Lê
23	000220	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	05	306	6,0	01	Anh	Chấn
24	000221	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	05	307	8,3	02	Anh	Lê
25	000222	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	05	308	8,6	01	Anh	Chấn
26	000223	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	05	309	6,8	01	Bình	Lê
27	000224	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	05	310	7,1	01	Chúc	Chấn
28	000225	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	05					HP
29	000226	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	05	311	8,7	01	Diễn	Chấn
30	000227	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	05	312	7,3	02	Diệp	Lê
31	000228	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	05	313	6,0	01	Dương	Chấn
32	000229	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	05	314	5,3	01	Duy	Lê
33	000230	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	05	315	6,5	01	Giang	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: ...32...

Tổng số tờ giấy thi: ...34...

Tổng số biên bản: ...0...

Ngày 15 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Luyện T. Dung

Nguyễn Thị An



124 - 155

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026  
Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000231	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	05	124	5,9	1	Giang	le'
2	000232	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	05	125	7,0	1	Hà	chấn
3	000233	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	05	126	6,0	1	Hằng	le'
4	000234	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	05	127	9,6	1	Hào	chấn
5	000235	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	05	128	7,2	1	Hoàn	le'
6	000236	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	05	129	6,0	1	Hương	chấn
7	000237	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	05	130	9,3	1	Hường	le'
8	000238	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	05	131	8,2	1	Huyền	chấn
9	000239	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	05	132	5,6	1	Khánh	HP
10	000240	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	05	133	6,6	1	Khánh	chấn
11	000241	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	05	134	6,7	1	Lan	le'
12	000242	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	05	135	6,9	2	Lệ	chấn
13	000243	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	05	136	4,0	1	Linh	le'
14	000244	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	05	137	7,8	1	Linh	chấn
15	000245	1101020169	Đình Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	05	138	5,5	1	Loan	le'
16	000246	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	05	139	4,9	1	Ly	chấn
17	000247	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	05	140	5,3	1	Ly	le'
18	000248	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	05	141	8,9	1	Mai	chấn
19	000249	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	05	142	6,7	1	Mơ	le'
20	000250	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	05	143	6,3	1	Nga	chấn
21	000251	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	05	144	7,6	1	Nga	le'
22	000252	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	05	145	8,9	2	Ngọc	chấn
23	<del>000253</del>	<del>1101021013</del>	<del>Lương Bảo</del>	<del>Ngọc</del>	<del>07/06/2005</del>	<del>KD11E</del>	<del>05</del>					DK
24	000254	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	05	146	8,9	1	Nguyễn	chấn
25	000255	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	05	147	7,1	1	Nhi	le'
26	000256	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	05	148	9,0	1	Nhung	chấn
27	000257	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	05	149	7,6	1	Quỳnh	le'
28	000258	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	05	150	4,8	1	Quỳnh	chấn
29	000259	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	05	151	8,4	2	Thanh	le'
30	000260	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	05	152	8,0	1	Thảo	chấn
31	000261	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	05	153	7,6	1	Thảo	le'
32	000262	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	05	154	7,6	1	Thư	chấn
33	000263	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	05	155	5,2	1	Thương	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 15... tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bùi Tiến Thái

Hoàn Thị Linh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000264	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	05	94	7,5	1	Tiên	Chấn
2	000265	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	05	95	7,1	1	Trang	le
3	000266	1101020308	Nguyễn Thủy	Trang	14/08/2005	KD11E	05	96	8,2	1	Trang	Chấn
4	000267	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	05	97	8,4	1	Tú	le?
5	000268	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	05	98	7,4	1	Tuấn	chấn
6	000269	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	05	99	8,2	1	Vân	le?
7	000270	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	05	100	4,9	1	Vương	Chấn
8	000271	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	05					HP,DK
9	000272	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	05					HP,DK
10	000273	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	06	101	4,8	1	Vanh	le?
11	000274	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	06	102	5,4	1	Anh	Chấn
12	000275	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	06	103	8,2	1	Anh	le?
13	000276	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	06					HP,DK
14	000277	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	06	104	5,2	1	Anh	le?
15	000278	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	06	105	5,7	1	Thuy	Chấn
16	000279	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	06	106	7,3	1	Ph	le?
17	000280	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	06	107	7,8	1	Ph	Chấn
18	000281	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	06	108	7,1	1	Châm	le?
19	000282	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	06	109	4,4	1	Đạt	chấn
20	000283	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	06	110	6,9	1	Doan	le?
21	000284	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	06	111	5,2	1	Đông	chấn
22	000285	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	06	112	8,1	1	Dương	le?
23	000286	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	06	113	8,3	1	Duyên	Chấn
24	000287	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	06	114	6,0	1	Trang	le?
25	000288	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	06	115	8,5	1	Hà	Chấn
26	000289	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	06	116	8,1	1	Hà	le?
27	000290	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	06	117	7,2	1	Hằng	chấn
28	000291	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	06	118	6,1	1	Hiền	le?
29	000292	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	06	119	4,4	1	Hiếu	chấn
30	000293	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	06	120	8,3	1	Hồng	le?
31	000294	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	06	121	5,1	1	Huy	chấn
32	000295	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	06	122	7,1	1	Huyền	le?
33	000296	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	06	123	6,9	1	Khánh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:.....30.

Tổng số tờ giấy thi:..... 30

Tổng số biên bản:..... 0

Ngày 12 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

*(Signature)*

*(Signature)*

Đo Thị Tươi

Bùi Thị Minh Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Chuẩn mực kế toán Việt Nam

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000297	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	06	190	6,1	01	Trần	lẻ
2	000298	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	06	191	6,1	01	Lan	chẵn
3	000299	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	06	192	5,1	01	lẻ	lẻ
4	000300	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	06	193	8,5	01	linh	chẵn
5	000301	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	06	194	3,5	01	Nguyễn	lẻ
6	000302	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	06	195	6,4	01	linh	chẵn
7	000303	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	06	196	3,2	01	loan	lẻ
8	000304	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	06	197	9,1	01	Loan	chẵn
9	000305	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	06	198	7,5	01	Nga	lẻ
10	000306	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	06	199	9,2	01	Ngọc	chẵn
11	000307	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	06	200	5,9	01	Ngọc	lẻ
12	000308	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	06	201	7,6	01	Nguyệt	chẵn
13	000309	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	06	202	6,3	01	Nhi	lẻ
14	000310	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	06	203	4,8	01	Như	chẵn
15	000311	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	06	204	7,1	01	Nhung	lẻ
16	000312	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	06	205	7,1	01	Oanh	chẵn
17	000313	1101020236	Lý Thu	Phuong	28/07/2005	KD11G	06	206	5,4	01	Thu	lẻ
18	000314	1101021025	Vương Thị	Phuong	30/06/2005	KD11G	06	207	9,0	01	Phu	chẵn
19	000315	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	06	208	3,9	01	Quỳnh	lẻ
20	000316	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	06	209	3,4	01	Thanh	chẵn
21	000317	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	06	210	3,2	01	Thành	lẻ
22	000318	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	06	211	6,7	01	Thao	chẵn
23	000319	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	06	212	4,4	1	Thư	lẻ
24	000320	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	06	213	9,0	01	Trang	chẵn
25	000321	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	06	214	9,1	01	tray	lẻ
26	000322	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	06	215	9,0	01	Trang	chẵn
27	000323	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	06	216	9,3	01	Trang	lẻ
28	000324	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	06	217	8,5	01	Tuân	chẵn
29	000325	1101020313	Đình Lê Anh	Tuân	17/09/2005	KD11G	06	218	5,2	01	Tuân	lẻ
30	000326	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	06	219	9,5	01	Vân	chẵn
31	000327	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	06	220	3,9	01	Xuân	lẻ
32	000328	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	06	221	7,0	01	Yên	chẵn
33	000329	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	06	222	3,4	01	Yên	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:.....3.3

Tổng số tờ giấy thi:.....3.3.

Tổng số biên bản:..0. ....

Ngày 15 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

Tô Luân Hải      Trần Thị Thu Trang